

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THOẠI SƠN  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 16-6-2022  
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia  
đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Mỹ Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Ông Trần Đức

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 113/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ngọc C, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp SH, xã VĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Trần Thanh N, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp SH, xã VĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Lê Thị Ngọc C trình bày:*

Chị và anh N do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2016, có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2016 tại UBND xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn. Thời gian chung sống giữa chị và anh N phát sinh mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu

nhệt, đập phá đồ đạc trong nhà và đánh chửi vợ con vô cớ mặc dù chị C đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Đến năm 2021, sau khi vợ chồng cãi nhau thì anh N bỏ đi, sau đó anh N có vài lần về thăm con nhưng không hàn gắn tình cảm. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị C yêu cầu được ly hôn anh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh N có ba con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 27/10/2013; Trần Thanh Ng, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Văn C, sinh ngày 11/10/2020. Khi ly hôn, chị C yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị C và anh N thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh N đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh N nhưng anh N tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh N; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Thanh H, Trần Thanh Ng, Trần Văn C; không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh N vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, cho chị C được ly hôn anh N; giao cháu Lê Thanh H, Trần Thanh Ng, Trần Văn C cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh N không cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Lê Thị Ngọc C và anh Trần Thanh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn không số, do UBND xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 02 năm 2016). Anh Trần Thanh N có hộ khẩu thường trú tại: Ấp SH, xã VĐ, huyện ThS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, anh Trần Thanh N vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp*:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh N xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/02/2016 tại UBND xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị C trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh N thường xuyên nhậu nhẹt, đánh chửi vợ con vô cớ, đập phá đồ đạc trong nhà, dù chị C đã khuyên nhủ nhưng anh N không thay đổi. Đến năm 2021, sau khi vợ chồng cãi nhau thì anh N bỏ đi, trong thời gian đó có vài lần về thăm con nhưng vợ chồng không hàn gắn, gần đây thì anh N đã quay về sống chung nhưng chị cũng không còn quan tâm đến cuộc sống của anh N, mâu thuẫn không thể nào hàn gắn.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải để hai bên có cơ hội hàn gắn nhưng anh N đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị C cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị C là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C, chị C được ly hôn với anh N.

[4] *Về con chung*: Chị C trình bày trong quá trình chung sống chị và anh N có ba con chung tên Lê Thanh H, sinh ngày 27/10/2013, Trần Thanh Ng, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Văn C, sinh ngày 11/10/2020.

Theo chị C trình bày, cháu Lê Thanh H là con chung của chị và anh N. Do khi sinh cháu, chị và anh N chưa đăng ký kết hôn nên khai sinh của cháu để trống mục họ tên cha và họ của cháu lấy theo họ của chị, nhưng người đi khai sinh là ông nội cháu tên Trần Văn Ch. Căn cứ biên bản xác minh ngày 13/6/2020, được ông Phạm Minh T là trưởng ấp Sơn Hòa cho biết ông Trần Văn Ch là cha của anh Trần Thanh N, cháu Lê Thanh H là con ruột của anh Trần Thanh N và chị Lê Thị Ngọc C. Như vậy, có đủ cơ sở xác định cháu Lê Thanh H là con ruột của anh Trần Thanh N và chị Lê Thị Ngọc C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến của cháu Lê Thanh H thể hiện nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn. Nhận thấy, cháu H hiện nay đang sống với chị C, cháu có nguyện vọng tiếp tục sống với mẹ khi cha mẹ ly hôn, nguyện vọng của cháu cũng phù hợp với yêu cầu của chị C. Các cháu Ng và Ch cũng đang sống với chị C, nên để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu nên cần giao cháu Lê Thanh H, Trần Thanh Ng, Trần Văn C cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng.

[4.1] Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Chị C yêu cầu anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Căn cứ Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các cháu H, Ng và C đều chưa đủ 18 tuổi và hiện đang sống với chị C, do chị C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, do đó chị C yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sống tiền 745.000 đồng (tương đương 1/2

lương tối thiểu là 1.490.000 đồng) tháng/con chung, 03 con chung tương đương số tiền 2.235.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi theo từng thời điểm do pháp luật quy định.

[5] *Về tài sản chung*: Chị C trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh N vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Theo trình bày của chị C không có nợ chung, anh N vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Lê Thị Ngọc C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;*

*Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.*

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc C.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Lê Thị Ngọc C được ly hôn anh Trần Thanh N.

Giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Vọng Đông, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 16 tháng 02 năm 2016 cho chị Lê Thị Ngọc C và anh Trần Thanh N không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Lê Thanh H, sinh ngày 27/10/2013, Trần Thanh Ng, sinh ngày 18/01/2016 và Trần Văn C, sinh ngày 11/10/2020 cho chị Lê Thị Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Thanh N có nghĩa vụ cấp dưỡng 745.000 đồng/tháng/con chung x 3 con chung = 2.235.000 đồng/tháng đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh Trần Thanh N và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Lê Thị Ngọc C. Chị Lê Thị Ngọc C và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Thanh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị C đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0008997 ngày 09/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, chị C không phải nộp thêm.

Anh Trần Thanh N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND xã Vọng Đông (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Mỹ Linh**